

BÀI 4. THẤT NGHIỆP TRONG KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

1. Khái niệm và các loại hình thất nghiệp

a) **Khái niệm:** Thất nghiệp là tình trạng người trong độ tuổi lao động, có khả năng lao động, muốn làm việc nhưng không thể tìm được việc làm ở mức lương thịnh hành.

b) **Các loại hình thất nghiệp:**

- Căn cứ vào tính chất của thất nghiệp có: Thất nghiệp tự nguyện; Thất nghiệp không tự nguyện.
- Căn cứ vào nguyên nhân gây thất nghiệp có: Thất nghiệp tạm thời; Thất nghiệp cơ cấu; Thất nghiệp chu kỳ.

2. Các nguyên nhân dẫn đến thất nghiệp

- Do sự vận động của nền kinh tế:
 - + Nền kinh tế đình trệ, suy thoái, sức mua xã hội giảm, doanh nghiệp giảm sản lượng, thu hẹp sản xuất, tình giảm lao động.
 - + Cơ cấu nền kinh tế chuyển hướng hiện đại, người lao động không đáp ứng được yêu cầu công việc mới.
- Do bản thân người lao động:
 - + Yếu ngoại ngữ, thiếu chuyên môn - nghiệp vụ cùng các kỹ năng hỗ trợ công việc theo nhu cầu thị trường.
 - + Muốn có việc làm với mức lương cao hơn mức lương hiện hành.

3. Hậu quả của thất nghiệp đối với nền kinh tế và xã hội

- Hậu quả đối với nền kinh tế:
 - + Giảm tiêu dùng, thu hẹp sản xuất gây lãng phí nguồn lực sản xuất; Sản lượng sụt giảm, ngân sách thất thu thuế; Ảnh hưởng khả năng hỗ trợ phát triển kinh tế của Nhà nước.
- Hậu quả đối với xã hội: Người lao động giảm thu nhập, cuộc sống khó khăn, đời sống tinh thần bị ảnh hưởng; Tăng chi ngân sách giải quyết trợ cấp thất nghiệp và tệ nạn xã hội, ảnh hưởng đầu tư phát triển xã hội.

4. Vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế thất nghiệp

- Nhà nước giữ vai trò kiểm soát và kiềm chế thất nghiệp qua các chính sách như: Chính sách hỗ trợ, phát triển kinh tế, tạo việc làm; Chính sách an sinh xã hội; Chính sách giải quyết việc làm.

BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM

Câu trắc nghiệm có nhiều phương án lựa chọn

Câu 1: Căn cứ vào tính chất, thất nghiệp được chia thành 2 loại hình, bao gồm:

- A. Thất nghiệp tự nguyện và thất nghiệp không tự nguyện.
- B. Thất nghiệp cơ cấu và thất nghiệp không tự nguyện.
- C. Thất nghiệp tạm thời và thất nghiệp cơ cấu.
- D. Thất nghiệp tự nhiên và thất nghiệp chu kỳ.

Câu 2: Các nguyên nhân khách quan có thể gây ra tình trạng thất nghiệp là gì?

- A. Do bị kỉ luật bởi công ty đang theo làm.
- B. Do tình hình kinh doanh của công ty đang theo làm bị thua lỗ đóng cửa.
- C. Do thiếu kỹ năng chuyên môn, không đáp ứng được những yêu cầu mà công việc đề ra.
- D. Do sự không hài lòng với công việc mà mình đang có.

Câu 3: Nhận định nào sau đây **đúng** về khái niệm thất nghiệp?

- A. Người trong độ tuổi lao động, có khả năng lao động, không muốn làm việc với mức tiền lương thấp.
- B. Người trong độ tuổi lao động, có khả năng lao động muốn làm việc với mức lương đủ sống.
- C. Người trong độ tuổi lao động, có khả năng lao động, muốn làm việc mà không tìm được việc làm như mong muốn.
- D. Người trong độ tuổi lao động, có khả năng lao động, muốn làm việc mà không tìm được việc làm với mức lương hiện hành.

Câu 4: Nhận định nào sau đây **không đúng** về các loại hình thất nghiệp?

- A. Người lao động không chấp nhận việc làm hiện thời với mức lương thấp là thất nghiệp không tự nguyện.

B. Người lao động rất muốn làm việc, nhưng không nhận được việc làm với mức lương hiện hành là thất nghiệp không tự nguyện.

C. Người lao động thủ công, không tìm được việc làm trong nhà máy cơ khí là thất nghiệp cơ cấu.

D. Người lao động mới tốt nghiệp đang trong thời gian tìm việc là thất nghiệp tạm thời.

Câu 5: Trong các chủ thể sau, chủ thể nào ứng với loại hình thất nghiệp cơ cấu?

A. Anh B không có việc làm vì doanh nghiệp thu hẹp quy mô sản xuất.

B. Chị T nghỉ việc vì tiền lương không cao như mong muốn.

C. Ông K mất việc vì doanh nghiệp chuyển sang sử dụng máy móc hiện đại, công nghệ tiên tiến.

D. Bà C phải ở nhà vì chưa xin được việc làm.

Câu 6: Nguyên nhân nào sau đây dẫn đến thất nghiệp?

A. Nền kinh tế rơi vào suy thoái, sản lượng giảm.

B. Nền kinh tế chuyển sang giai đoạn mở rộng quy mô sản xuất.

C. Nền kinh tế bước vào thời kì khôi phục sản xuất.

D. Nền kinh tế đón nhận luồng đầu tư mới từ nước ngoài.

Câu 7: Người lao động sẽ không kiếm được việc làm trong trường hợp

A. có chuyên môn vững, ngoại ngữ giỏi.

B. ngoại ngữ thiếu, chuyên môn yếu.

C. có chuyên môn vững, giao tiếp tốt.

D. có khả năng đáp ứng được yêu cầu của việc làm trong các ngành nghề hiện đại.

Câu 8: Từ sự vận động của nền kinh tế, nguyên nhân nào dưới đây sẽ dẫn đến thất nghiệp?

A. Nền kinh tế bị suy thoái, cầu lao động giảm.

B. Nền kinh tế bị đình trệ, cầu lao động tăng.

C. Nền kinh tế có lạm phát vừa phải, cung – cầu lao động cân đối.

D. Nền kinh tế tăng trưởng nhanh, cung lao động không tăng kịp.

Câu 9: Tình trạng nhiều người lao động không kiếm được việc làm trong một thời gian dài sẽ tạo ra hậu quả gì cho nền kinh tế đất nước?

A. Lãng phí nguồn nhân lực, lãng phí nguồn vốn, làm suy giảm sản lượng.

B. Lãng phí nguồn tài nguyên, nguồn nhân lực, giảm sản lượng quốc gia.

C. Thu nhập của một bộ phận dân cư giảm, tiêu dùng giảm, mức sống sụt giảm.

D. Thu nhập quốc dân giảm, đời sống dân cư khó khăn, tiêu dùng hạn chế.

Câu 10: Những người có khả năng lao động, mong muốn có việc làm với thu nhập đủ sống mà vẫn không kiếm được việc làm sẽ rơi vào tình trạng

A. Suy giảm tinh thần, thể chất; mai một tay nghề, chuyên môn kỹ thuật.

B. Lo lắng, bất mãn, dễ nổi nóng.

C. Bức bối, lo âu, căng thẳng, mất ngủ.

D. Thất vọng, bất mãn, dễ bị trầm cảm.

Câu 11: Chính sách giải quyết việc làm giúp thực hiện điều gì để hạn chế tình hình thất nghiệp trong nền kinh tế thị trường?

A. Hỗ trợ lao động nghèo, tái đào tạo người lao động.

B. Cải thiện dịch vụ thị trường lao động, tái đào tạo người lao động.

C. Tạo ra nhiều việc làm, mở rộng thị trường lao động.

D. Hỗ trợ khởi nghiệp, tự tạo việc làm, hỗ trợ giảm thuế đất.

Câu 12: Các doanh nghiệp cần đến chính sách kinh tế nào của Nhà nước để tạo ra nhiều việc làm cho người lao động?

A. Chính sách tiền tệ, chính sách hỗ trợ lao động khó khăn.

B. Chính sách tiền tệ, chính sách tài khoá, chính sách an sinh xã hội.

C. Chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế, tạo việc làm; chính sách an sinh xã hội.

D. Chính sách phát triển kinh tế, chính sách an sinh xã hội.

Trắc nghiệm thông tin

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi 13, 14

Sau một ngày chờ đợi phỏng vấn ở Công ty A, chị T không được nhận vào làm việc làm vì không đáp ứng được một số yêu cầu về chuyên môn cao và kỹ thuật mới. Mẹ chị T, bà G, khuyên con nên nhận lời mời làm việc ở doanh nghiệp K, tuy tiền lương không cao như chị mong muốn, nhưng lại có cơ hội học hỏi thêm về công nghệ và tích lũy kinh nghiệm.

Câu 13: Việc chị T không được nhận vào làm việc tại Công ty A là một ví dụ điển hình cho loại hình thất nghiệp nào sau đây?

- A. Thất nghiệp cơ cấu.
- B. Thất nghiệp do mùa vụ.
- C. Thất nghiệp do cấu trúc.
- D. Thất nghiệp tự nguyện.

Câu 14: Để giảm thiểu nguy cơ thất nghiệp trong tương lai, chị T nên có những hành động nào?

- A. Chỉ tập trung vào một lĩnh vực công việc.
- B. Không ngừng học hỏi và nâng cao trình độ chuyên môn.
- C. Chờ đợi các công ty tuyển dụng.
- D. Chỉ làm những công việc mình yêu thích.

Câu trắc nghiệm Đúng, Sai

Câu 15: Em đồng tình hay không đồng tình với nhận định nào dưới đây? Vì sao?

- a. Thất nghiệp tự nguyện thường tạo ra nhiều khó khăn trong cuộc sống cho người lao động.
- b. Để hạn chế thất nghiệp chu kỳ, Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế, tạo việc làm linh hoạt và kịp thời.
- c. Thất nghiệp cũng có mặt tốt vì giúp người lao động phải tích cực tham gia quá trình tự đào tạo và tái đào tạo của Nhà nước.
- d. Nhà nước có các chính sách kiểm soát, kiểm chế thất nghiệp rất kịp thời, nhưng cũng nên có các biện pháp phòng chống những kẻ muốn trục lợi bất chính từ chính sách.

BÀI 5 THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG, VIỆC LÀM

1. Khái niệm lao động và thị trường lao động

- **Lao động** là hoạt động có mục đích, có ý thức của con người nhằm tạo ra hàng hoá và dịch vụ phục vụ cho nhu cầu đời sống.

- **Thị trường lao động** là nơi diễn ra sự thỏa thuận, xác lập quan hệ lao động về việc thuê mướn, sử dụng lao động, trả lương giữa người lao động với người sử dụng lao động, các tổ chức đại diện của các bên, cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Khái niệm việc làm và thị trường việc làm

- **Việc làm** là hoạt động lao động tạo ra thu nhập mà pháp luật không cấm.

- **Thị trường việc làm** là nơi diễn ra sự thỏa thuận, xác lập hợp đồng làm việc giữa người lao động và người sử dụng lao động về việc làm, tiền lương và điều kiện làm việc.

3. Mối quan hệ giữa thị trường lao động và thị trường việc làm

- Giữa thị trường lao động và thị trường việc làm có mối quan hệ tác động lẫn nhau.

+ Thị trường lao động tăng thúc đẩy thị trường việc làm tăng.

+ Thị trường việc làm tăng thúc đẩy thị trường lao động tăng.

4. Xu hướng tuyển dụng lao động của thị trường

- Xu hướng tuyển dụng lao động của thị trường:

+ Theo hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế các ngành nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ hiện đại.

+ Chú trọng lao động chất lượng cao.

- Học sinh cần hoàn thiện bản thân, tìm hiểu, lựa chọn được nghề nghiệp, việc làm phù hợp với năng lực và khả năng của mình, rèn luyện những kỹ năng cần thiết để sẵn sàng tham gia thị trường lao động, việc làm.

BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM

Câu trắc nghiệm có nhiều phương án lựa chọn

Câu 1: Trên thị trường lao động, giữa người lao động và người sử dụng lao động sẽ diễn ra sự thỏa thuận về

- A. Tình hình việc làm của địa phương.
- B. Tiền lương, điều kiện làm việc.
- C. Sức khoẻ của người lao động.
- D. Sở thích, thói quen của người sử dụng lao động và người lao động.

Câu 2: Nhận định nào dưới đây **đúng** về khái niệm lao động?

- A. Lao động là hoạt động nhằm tiêu hao sức lực của con người trong xã hội.
- B. Lao động là hoạt động bản năng của con người.
- C. Lao động là việc sử dụng những sản phẩm có sẵn trong tự nhiên để thoả mãn nhu cầu của con người.

D. Lao động là hoạt động có mục đích, có ý thức của con người nhằm tạo ra hàng hoá và dịch vụ phục vụ cho nhu cầu đời sống.

Câu 3: Hoạt động lao động chỉ được gọi là việc làm khi

- A. Mang lại thu nhập hợp pháp.
- B. Phục vụ cho nhu cầu của người sản xuất.
- C. Phục vụ cho nhu cầu của người tiêu dùng.
- D. Phục vụ cho nhu cầu của xã hội.

Câu 4: Giữa người lao động và người sử dụng lao động sẽ thỏa thuận trên thị trường việc làm về

- A. Chính sách xã hội.
- B. Điều kiện phát triển kinh tế.
- C. Việc làm, tiền lương và điều kiện làm việc.
- D. Môi trường sống, làm việc của người lao động và người sử dụng lao động.

Câu 5: Trên thị trường lao động, sau khi thỏa thuận thống nhất, người lao động và người sử dụng lao động sẽ đi đến

- A. Xác lập quan hệ lao động; thuê mướn, sử dụng lao động; trả lương.
- B. Xác lập điều kiện sản xuất.
- C. Xây dựng môi trường sản xuất kinh doanh.
- D. Thực hiện mục tiêu kinh tế, xã hội.

Câu 6: Trên thị trường việc làm, trước khi xác lập hợp đồng làm việc giữa người lao động và người sử dụng lao động sẽ thỏa thuận về

- A. Chính sách kinh tế.
- B. Máy móc, thiết bị.
- C. Việc làm, tiền lương và điều kiện làm việc.
- D. Giá trị tài sản.

Câu 7: Thị trường lao động tăng tác động như thế nào đến thị trường việc làm?

- A. Các doanh nghiệp thu hẹp quy mô sản xuất, giảm sử dụng lao động, giảm cơ hội việc làm.
- B. Chính phủ thay đổi chính sách, thúc đẩy doanh nghiệp mở rộng quy mô sản xuất, tăng sử dụng lao động, tăng cơ hội việc làm.
- C. Chính phủ thay đổi chính sách, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giảm cơ hội việc làm của lao động giản đơn.
- D. Chính phủ thay đổi chính sách, tạo động lực cho sản xuất, mở rộng quan hệ đối ngoại, giảm việc làm trong nước.

Câu 8: Nhận định nào dưới đây **đúng** về xu hướng tuyển dụng lao động của thị trường?

- A. Xu hướng tuyển dụng lao động của thị trường không theo sự chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế.
- B. Tăng, giảm tuyển dụng lao động không theo sự phát triển của các ngành nghề trong nền kinh tế.
- C. Tăng tuyển dụng lao động trong ngành xuất khẩu, giảm dần tuyển dụng lao động trong ngành nhập khẩu.
- D. Tăng tuyển dụng lao động trong ngành công nghiệp, dịch vụ, giảm dần tuyển dụng lao động trong ngành nông nghiệp.

Câu 9: Đây là biểu hiện của xu hướng tuyển dụng lao động chú trọng lao động chất lượng cao?

- A. Yêu cầu ngày càng cao về kiến thức.
- B. Tuyển dụng chú trọng ngoại hình, khả năng giao tiếp.
- C. Yêu cầu ngày càng cao về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng, thái độ của người lao động.
- D. Yêu cầu ngày càng cao về kinh nghiệm, kiến thức chuyên môn.

Câu 10: Nhận định nào dưới đây **không đúng** về xu hướng tuyển dụng lao động?

- A. Tuyển dụng lao động trên thị trường gắn liền với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.
- B. Hội nhập quốc tế và cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 làm thay đổi xu hướng tuyển dụng lao động.
- C. Sử dụng công nghệ số, máy móc tự động trong sản xuất không làm thay đổi xu hướng tuyển dụng lao động.
- D. Thị trường lao động có xu hướng tuyển dụng lao động linh hoạt về thời gian, địa điểm làm việc.

Trắc nghiệm thông tin

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi 11, 12, 13

Trong phiên giao dịch giới thiệu việc làm được tổ chức tại tỉnh M, có 28 cơ sở sản xuất, kinh doanh tham gia. Số lượng lao động cần tuyển dụng gần 1000 người với mức lương, điều kiện làm việc, chế độ ưu đãi,... và các thỏa thuận khác. Vị trí việc làm cần tuyển dụng gồm: nhân viên giao hàng, công nhân kỹ thuật, công nhân sản xuất, kế toán, nhân viên kinh doanh, nhân viên tư vấn,... Có hơn 1.200

người lao động đã đến đây tìm việc làm. Sau khi thoả thuận, các cơ sở sản xuất, kinh doanh với vai trò là người sử dụng lao động đã kí kết, xác lập hợp đồng lao động với những người lao động ứng tuyển đủ điều kiện và sẵn sàng làm việc.

Câu 11: Hoạt động được tổ chức tại tỉnh M với sự tham gia của 28 cơ sở sản xuất, kinh doanh và hơn 1.200 người lao động đến tìm việc làm là thị trường

- A. lao động. B. việc làm. C. chứng khoán. D. tiền tệ.

Câu 12: Việc người sử dụng lao động và người lao động thoả thuận về mức lương, điều kiện làm việc, chế độ ưu đãi,... và các thoả thuận khác đã được kí kết, xác lập hợp đồng lao động là

- A. lao động. B. việc làm. C. giao kết. D. hợp tác.

Câu 13: Phiên giao dịch việc làm đã giúp cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh tuyển dụng được lao động và những người lao động đã tìm được việc làm phù hợp là biểu hiện nội dung nào sau đây?

- A. Mọi quan hệ giữa thị trường lao động và thị trường việc làm.
B. Mọi quan hệ giữa những người sử dụng lao động với nhau.
C. Mọi quan hệ giữa lao động và thị trường lao động.
D. Mọi quan hệ giữa việc làm và thị trường việc làm.

Câu trắc nghiệm Đúng, Sai

Câu 14: Em đồng tình hay không đồng tình với nhận định nào sau đây. Vì sao?

- Lao động là hoạt động thể chất và tinh thần của con người trong xã hội.
- Mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh mang lại thu nhập đều được gọi là việc làm.
- Trên thị trường lao động sẽ diễn ra sự thoả thuận về tiền lương, điều kiện và các quan hệ hợp đồng lao động.
- Thị trường việc làm là nơi xác định mức độ tiền lương, điều kiện làm việc và mức độ có việc làm của lao động.
- Trong nền kinh tế, xu hướng tuyển dụng lao động tất yếu phải đáp ứng sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ.
- Các nhà tuyển dụng lao động ngày càng chú trọng vào lao động có trình độ chuyên môn, có kĩ năng mềm và thái độ tốt.

BÀI 6. Ý TƯỞNG VÀ CƠ HỘI KINH DOANH

1. Ý tưởng kinh doanh

- Ý tưởng kinh doanh là những suy nghĩ, hành động sáng tạo, có tính khả thi, có thể đem lại lợi nhuận trong kinh doanh.

2. Cơ hội kinh doanh

- Cơ hội kinh doanh là những điều kiện, hoàn cảnh thuận lợi để chủ thể kinh tế thực hiện được mục tiêu kinh doanh (thu lợi nhuận).

3. Tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng kinh doanh và xác định, đánh giá các cơ hội kinh doanh

- Tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng kinh doanh:

+ Là cơ sở định hướng mọi hoạt động kinh doanh như lập kế hoạch, đánh giá phương án, triển khai, giám sát,...

+ Tạo ra tính chủ động và hiệu quả trong hoạt động kinh doanh.

- Tầm quan trọng của việc xác định, đánh giá các cơ hội kinh doanh:

+ Lựa chọn được cơ hội kinh doanh phù hợp với doanh nghiệp.

+ Tác động đến sự thành công hay thất bại của doanh nghiệp.

4. Ý nghĩa của ý tưởng kinh doanh

- Tăng lợi thế cạnh tranh trong kinh doanh.

- Đáp ứng sự biến động của thị trường.

5. Các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh

- Lợi thế nội tại: đam mê, tri thức, khát vọng, sức sáng tạo; khả năng huy động các nguồn lực.

- Cơ hội bên ngoài: nhu cầu; nguồn cung ứng; sự cạnh tranh; vị trí triển khai; chính sách vĩ mô.

BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM

Câu trắc nghiệm có nhiều phương án lựa chọn

Câu 1: Ý tưởng kinh doanh là

- A. Những suy nghĩ, quan điểm mới mẻ mà người kinh doanh có thể nghĩ ra trong quá trình làm việc.

B. Những hành động sáng tạo trong quá trình làm việc, giúp tăng năng suất lao động và tạo ra hiệu quả cho doanh nghiệp.

C. Những suy nghĩ, hành động sáng tạo, khả thi có thể mang lại lợi nhuận cho doanh nghiệp.

D. Tạo ra các sản phẩm thoả mãn được nhu cầu, giải quyết được các vấn đề của thị trường.

Câu 2: Ý tưởng kinh doanh có ý nghĩa

A. Thu hút khách hàng bằng dịch vụ hậu mãi.

B. Thoả mãn được nhu cầu thị trường.

C. Phục vụ khách hàng với chi phí thấp.

D. Thoả mãn khách hàng ở phân khúc cao hơn.

Câu 3: Cơ hội kinh doanh là

A. Nhận ra sản phẩm đang có nhu cầu cao có thể tăng giá.

B. Những thông tin thị trường hữu ích cho hoạt động kinh doanh.

C. Mở rộng thị trường vì nhu cầu sản phẩm đang tăng cao.

D. Cơ hội để thu về lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Câu 4: Doanh nghiệp cần xác định, đánh giá các cơ hội kinh doanh để

A. Giúp doanh nghiệp lựa chọn ra được một cơ hội phù hợp.

B. Tạo ra được sản phẩm/ dịch vụ thoả mãn nhu cầu của thị trường.

C. Quyết định sự phát triển hay trì trệ của doanh nghiệp.

D. Thu hút được khách hàng quan tâm đến sản phẩm của doanh nghiệp.

Câu 5: Ý tưởng kinh doanh có vai trò như thế nào đối với doanh nghiệp?

A. Mở rộng được thị trường của doanh nghiệp.

B. Tiêu thụ được nhiều sản phẩm với chi phí sản xuất thấp.

C. Đạt được thị phần cao nhất trong lĩnh vực.

D. Tăng lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp.

Câu 6: Cơ hội kinh doanh tốt là cơ hội kinh doanh chứa đựng đủ

A. Tính hấp dẫn, tính ổn định, tính bền vững và tính duy trì.

B. Tính hấp dẫn, tính khả thi, tính bền vững và tính duy trì.

C. Tính phát triển, tính biến động, tính duy trì và nhu cầu của người tiêu dùng.

D. Tính biến động, tính duy trì, tính khả thi và tính phát triển.

Câu 7: Doanh nghiệp B muốn mở rộng thị trường sang một lĩnh vực mới, để xác định xem lĩnh vực đó có xây dựng được ý tưởng kinh doanh hay không, doanh nghiệp B cần làm gì đầu tiên?

A. Kiểm tra ở lĩnh vực đó, sản phẩm của công ty có thể triển khai được hay không.

B. Lên kế hoạch cụ thể cho từng bước hành động của doanh nghiệp trong lĩnh vực đó.

C. Đẩy nhanh việc quảng cáo, truyền thông để chiếm lĩnh thị trường.

D. Liên kết với nhiều đơn vị địa phương để có thể dễ dàng thâm nhập được thị trường.

Câu 8: Ý tưởng kinh doanh không quyết định yếu tố

A. Đội ngũ nhân sự của doanh nghiệp.

B. Cách thức tổ chức bán hàng.

C. Nâng cao năng suất lao động.

D. Hiệu quả của kinh doanh.

Câu 9: Doanh nghiệp thường xuyên tận dụng được nhiều cơ hội kinh doanh là

A. Doanh nghiệp lớn.

B. Doanh nghiệp vừa và nhỏ.

C. Doanh nghiệp mới thành lập.

D. Doanh nghiệp mạnh.

Câu 10: Yếu tố nào dưới đây **không** thể hiện cho một cơ hội kinh doanh tốt?

A. Hấp dẫn.

B. Ổn định.

C. Đúng thời điểm.

D. Lỗi thời.

Trắc nghiệm thông tin

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi 11, 12

Em hãy đọc trường hợp sau và thực hiện yêu cầu.

Việt Nam là một đất nước có thể mạnh về sản xuất lúa gạo. Nhưng một số nông dân vẫn chạy theo năng suất nên sử dụng chất hoá học vượt mức cho phép. Nhận thấy nhu cầu về gạo hữu cơ trên thị trường ngày càng cao, anh N quyết tâm nghiên cứu cách nâng cao giá trị sản phẩm gạo Việt Nam. Với chuyên ngành nông nghiệp và những kinh nghiệm trong lĩnh vực nuôi tôm, anh N có ý tưởng kết hợp trồng lúa và nuôi tôm đất tự nhiên. Anh bao tiêu cho nông dân; giúp nông dân bán được lúa gạo với giá thành cao. Con tôm đất được thị trường rất yêu thích nên đã mang lại giá trị kinh tế cao.

Câu 11: Yếu tố nào sau đây **KHÔNG** phải là cơ hội kinh doanh mà anh N đã nhận thấy?

A. Nhu cầu về gạo hữu cơ ngày càng tăng.

B. Kinh nghiệm nuôi tôm của bản thân.

C. Chính sách hỗ trợ của nhà nước đối với nông nghiệp hữu cơ.

D. Giá cả đầu vào của vật tư nông nghiệp tăng cao.

Câu 12: Mô hình kinh doanh của anh N có ý nghĩa gì đối với nền kinh tế Việt Nam?

A. Góp phần nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp.

B. Không có ý nghĩa gì với nền kinh tế.

C. Gây ô nhiễm môi trường.

D. Gây ra tình trạng lạm phát.

Câu trắc nghiệm Đúng, Sai

Câu 13: Em đồng tình hay không đồng tình với nhận định nào sau đây. Vì sao?

a. Ý tưởng kinh doanh là tận dụng cơ hội thị trường nhằm mang lại lợi nhuận cao nhất.

b. Ý tưởng kinh doanh là khởi điểm cho các hoạt động của doanh nghiệp.

c. Ý tưởng kinh doanh chỉ cần thiết lúc hình thành doanh nghiệp, còn khi doanh nghiệp đã kinh doanh ổn định thì chỉ cần duy trì các hoạt động kinh doanh.

d. Cơ hội kinh doanh luôn có trên thị trường, không phải cơ hội nào cũng mang tính khả thi.

e. Xác định, đánh giá cơ hội kinh doanh là yếu tố quyết định thành công của doanh nghiệp.

BÀI 7 NĂNG LỰC CẦN THIẾT CỦA NGƯỜI KINH DOANH

1. Năng lực cần thiết của người kinh doanh

- Các năng lực cần thiết của người kinh doanh:

+ *Năng động, sáng tạo.*

+ *Chuyên môn nghiệp vụ.*

+ *Quản lý, lãnh đạo.*

+ *Thiết lập quan hệ, nắm bắt thông tin.*

+ *Dự báo và kiểm soát rủi ro.*

+ *Huy động, khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực.*

+ *Ý chí, khát vọng đổi mới, vươn lên,...*

2. Đánh giá năng lực của người kinh doanh

- Đánh giá năng lực của người kinh doanh cần dựa vào: *điểm mạnh, điểm yếu, nắm bắt được cơ hội và giải quyết những thách thức của thị trường.*

BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM

Câu trắc nghiệm có nhiều phương án lựa chọn

Câu 1: Có kiến thức về tài chính, về quảng cáo tiếp thị thể hiện năng lực nào của người kinh doanh?

A. Chuyên môn nghiệp vụ.

B. Quản lý, lãnh đạo.

C. Dự báo và kiểm soát rủi ro.

D. Huy động, khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực.

Câu 2: Anh A quyết tâm xây dựng sự nghiệp của mình, điều đó thể hiện năng lực nào của người kinh doanh?

A. Thiết lập quan hệ, nắm bắt thông tin.

B. Huy động, khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực.

C. Ý chí, khát vọng đổi mới, vươn lên...

D. Năng động, sáng tạo.

Câu 3: Sau khi khởi nghiệp thành công, anh N, giám đốc công ty dùng chính cổ phần của mình để chia sẻ lại cho các cộng sự đã dốc tâm, dốc sức cùng anh. Điều này thể hiện năng lực kinh doanh nào của người kinh doanh?

A. Quản lý, lãnh đạo.

B. Thiết lập quan hệ, nắm bắt thông tin.

C. Chuyên môn nghiệp vụ.

D. Huy động, khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực.

Câu 4: Chị T buồn rầu vì nghi ngờ nhân viên tài chính có gian lận trong quá trình làm việc mà chưa tìm được bằng chứng, đây là hạn chế về

A. Thiết lập quan hệ, nắm bắt thông tin.

B. Dự báo và kiểm soát rủi ro.

C. Quản lý, lãnh đạo.

D. Ý chí, khát vọng đổi mới, vươn lên.

Câu 5: Doanh nghiệp cần làm gì để đáp ứng sự biến động của thị trường?

A. Mở rộng thị trường để đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng.

B. Nắm bắt và triển khai các cơ hội kinh doanh phù hợp với doanh nghiệp.

C. Đẩy nhanh việc quảng cáo, truyền thông để chiếm lĩnh thị trường.

D. Liên kết với nhiều đơn vị địa phương để có thể dễ dàng thâm nhập được thị trường.

Câu 6: “Tôi có những gì?” là câu hỏi thể hiện

- A. Điểm mạnh của bản thân.
- B. Điểm yếu của bản thân.
- C. Cơ hội thị trường.
- D. Thách thức gặp phải.

Câu 7: Sự phát triển của thị trường, đối thủ đang tỏ ra chậm chạp, yếu kém, đây là yếu tố

- A. Điểm mạnh của doanh nghiệp.
- B. Điểm yếu của doanh nghiệp.
- C. Cơ hội thị trường.
- D. Thách thức gặp phải.

Câu 8: Biết đánh giá cơ hội kinh doanh, lựa chọn và chớp cơ hội kinh doanh - đó là biểu hiện cho năng lực nào của người kinh doanh?

- A. Năng lực thực hiện trách nhiệm với xã hội.
- B. Năng lực chuyên môn.
- C. Năng lực định hướng chiến lược.
- D. Năng lực nắm bắt cơ hội.

Câu 9: Sự khéo léo, chủ động trong giao tiếp, đàm phán; tự tin và biết kiểm soát cảm xúc; giải quyết hài hoà các mối quan hệ bên trong và bên ngoài liên quan đến công việc kinh doanh - đó là biểu hiện cho năng lực nào của người kinh doanh?

- A. Năng lực thiết lập quan hệ.
- B. Năng lực tổ chức, lãnh đạo.
- C. Năng lực cá nhân.
- D. Năng lực phân tích và sáng tạo.

Câu 10: Đọc trường hợp dưới đây và trả lời câu hỏi:

Trường hợp. Anh V có năng lực lập kế hoạch kinh doanh, biết tổ chức nguồn lực, phối hợp công việc nhịp nhàng để đội ngũ nhân lực phát huy hết hiệu quả, tính sáng tạo trong kinh doanh.

Câu hỏi: Theo em, nhận định trên nói về năng lực nào của anh V?

- A. Năng lực nắm bắt cơ hội.
- B. Năng lực tổ chức, lãnh đạo.
- C. Năng lực phân tích và sáng tạo.
- D. Năng lực thực hiện trách nhiệm xã hội.

Trắc nghiệm thông tin

Đọc trường hợp và trả lời các câu hỏi 11, 12, 13

Anh B kinh doanh mỹ phẩm, vốn là người khéo léo trong giao tiếp và thuyết phục khách hàng nên công việc kinh doanh của anh khá thuận lợi. Những năm gần đây do sự phát triển của thương mại điện tử nên công việc kinh doanh trực tiếp tại cửa hàng của anh gặp nhiều khó khăn. Nhận thấy điều này, anh đã quyết định kinh doanh trực tiếp kết hợp với trực tuyến. Bằng sự khéo léo và khả năng thiết lập quan hệ của mình, anh đã hợp tác với một số thương hiệu mỹ phẩm có tiếng và công việc kinh doanh của anh ngày càng tốt hơn.

Câu 11: Sự khéo léo trong giao tiếp và thuyết phục khách hàng của anh B trong thông tin trên thể hiện năng lực gì của người kinh doanh?

- A. Năng lực lãnh đạo.
- B. Năng lực tư duy.
- C. Năng lực hợp tác.
- D. Năng lực quản lí.

Câu 12: Việc anh B trong thông tin trên quyết định chuyển từ kinh doanh trực tiếp sang kinh doanh trực tiếp kết hợp trực tuyến là không thể hiện năng lực nào của người kinh doanh?

- A. Năng lực hợp tác.
- B. Năng lực chuyên môn.
- C. Năng lực nắm bắt cơ hội.
- D. Năng lực quản lí.

Câu 13: Nhận định nào dưới đây **đúng** với nội hàm của khái niệm đạo đức kinh doanh?

- A. Là tập hợp một số nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức cơ bản được biểu hiện cụ thể trong các lĩnh vực kinh doanh.
- B. Là tập hợp các nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức cơ bản được biểu hiện cụ thể trong các lĩnh vực kinh doanh.
- C. Là một trong các yếu tố mà bắt buộc các ai làm việc trong lĩnh vực kinh doanh đều phải thực hiện theo.
- D. Là các yếu tố cần bắt buộc phải học trước khi muốn tham gia vào thị trường kinh doanh.

Câu trắc nghiệm Đúng, Sai

Câu 14: Em đồng tình hay không đồng tình với nhận định nào sau đây. Vì sao?

- a. Năng lực kinh doanh phải đi cùng với nguồn vốn mới khởi nghiệp thành công.
- b. Người kinh doanh có năng lực sẽ giúp doanh nghiệp thích ứng với những thay đổi của thị trường một cách tốt nhất.
- c. Trong kinh doanh, chỉ cần năng động, sáng tạo, luôn dám nghĩ dám làm là đủ.
- d. Người kinh doanh tự đánh giá được năng lực của bản thân sẽ đưa ra được những quyết định chính xác.

Hết